

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:24/2022/HS-ST.
Ngày: 14/3/2022.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Doãn Kim Huế

2.Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hương Duyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K tham gia phiên tòa:Bà Đỗ Thị Qn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Kon Tum mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2022,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thủy T(tên gọi khác: Bé), sinh năm 1973 tại Thừa Thiên H. Nơi ĐKKHKT: Số 331 (số cũ 47) Hùng V, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K; Nơi cư trú: Hẻm 34 Quyết Tiến, phường Ia Kring, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn S(đã chết) và bà Nguyễn Thị M sinh năm: 1947; Bị cáo có chồng là Phạm Thế L, sinh năm 1963 và 02 con(con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lý Thị Hoài Ph, sinh năm 1965.Trú tại: Tổ 3, phường Trần Hưng Đ, thành phố K, tỉnh K. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: AnhTrần Minh T và chị Phạm Thi

Lệ H.Trú tại: Số 101B Nguyễn Văn C TP K, tỉnh K.Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1968. Trú tại: Số 65 Nguyễn Gia Th, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

2. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1954. Trú tại: Số 888 Phan Đình Ph, thành phố K, tỉnh K. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1960. Trú tại: Số 08 Bùi Thị X, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Mai Tr , sinh năm 1970. Trú tại: Thôn Thanh Tr, phường Ngô M, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1973.Trú tại: Số 331 Hùng V, thành phố K, tỉnh K. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lý Thị Hoài Ph có mối quan hệ làm ăn, buôn bán với Nguyễn Thị Thủy T, T thường mua sản khô (*mỳ khô*) về bán cho bà Ph. Quá trình buôn bán với nhau, thời gian đầu T tự bỏ vốn ra mua sản khô. Sau đó, do cần vốn để mua hàng số lượng lớn, ngày 14/02/2007, T đặt vấn đề mượn bà Ph 200.000.000 đồng và thỏa thuận dùng số tiền này mua sản khô về bán lại cho bà Ph, bà Ph đồng ý. Từ ngày 14/02/2007 đến ngày 24/4/2007, T nhiều lần ứng tiền từ bà Ph để thu mua sản và đều đặn nhập hàng cho bà Ph. Đến ngày 25/4/2007, T không nhập hàng cho bà Ph nữa và còn nợ bà Ph tổng số tiền là 353.332.000 đồng. Thời điểm này, T vẫn mua sản khô về trữ tại kho hàng của mình ở số 109 Hai Bà Tr, phường Quang Trg, thị xã K (*nay là thành phố Kon Tum*). Bà Ph nhiều lần gọi điện yêu cầu T giao hàng hoặc trả tiền cho mình, T nhiều lần hứa hẹn sẽ trả nhưng sau đó không giao hàng hoặc trả tiền cho bà Ph mà bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 18/5/2007, T bán toàn bộ sản khô trong kho hàng cho người khác. Đến ngày 28/6/2007, do không liên lạc được với T và không biết T ở đâu nên bà Phương làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Thị Thủy T gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh K.

Tại Kết luận giám định số 756/2007 ngày 05/9/2007 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Các dòng chữ “bé nhận” và “bé nhận...” trên các trang tài liệu ghi thứ tự a1, a2, a3, a4, a5, a6, a7, a8 giữa hình dấu tròn có nội dung “CATX KON TUM – T.KON TUM – CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA” với các dòng

chữ “bé có mượn” và “bé...” trên các trang tài liệu ghi thứ tự b1, b2, b3, b4 giữa hình dấu tròn có nội dung trên là do cùng một người viết ra.

Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, đến ngày 20/9/2021 đã ra đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTPKT ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thủy T tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thủy T như Cáo trạng nêu trên và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thủy T từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến tranh luận; nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị hại và người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thủy T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số

100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, thì Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định không gây bất lợi cho hành vi phạm tội của bị cáo đã bị truy tố nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thủy T.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 14/02/2007 đến ngày 24/4/2007, thông qua mối quan hệ hợp tác làm ăn, Nguyễn Thị Thủy T đã nhiều lần mượn tiền của bà Lý Thị Hoài Ph và cam kết dùng số tiền này để mua sản khô về bán lại cho bà Ph. Đến ngày 25/4/2007, T nợ bà Ph tổng số tiền 353.332.000 đồng. Mặc dù vẫn mua sản khô về trữ trong kho nhưng T không nhập cho bà Ph để trừ nợ mà nhiều lần hứa hẹn để kéo dài thời gian, sau đó bán toàn bộ hàng trong kho cho người khác rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Như vậy, hành vi mượn tiền người khác rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương của bị cáo Nguyễn Thị Thủy T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, nay là khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố k, tỉnh K đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ việc lợi dụng sự tín nhiệm nhiệm của bà Lý Thị Hoài Ph nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là rất lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Do đó cần thiết xét xử bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động người thân

khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; ngoài ra bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và sau thời gian bỏ trốn bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi lượng hình và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực giáo dục, cải tạo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự; anh Trần Minh T và chị Phạm Thị Lệ H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền anh chị đã bồi thường thay cho bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 3 Điều 175 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thủy T (tên gọi khác: Bé) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thủy T 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2021.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND TP.K;
- Công an TP.K
- Chi cục THADS TP.K;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

